TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HSST
Ngày: 14-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Kim Cương

+ Bà Lê Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A Lưới, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/HSST ngày 02/10/2017, đối với bị cáo:

A Kiêng Thị H (Không có tên gọi khác); Sinh ngày 12/10/1986, tại huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Giới tính: Nữ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Diên M, xã A N, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông A Kiêng N (Quỳnh X) đã chết và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1940 trú tại: Thôn Diên M, xã A N, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Gia đình có 08 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình. Đã ly hôn chồng, có hai người con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2011.Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo A Kiêng Thị H:**

-Bà Võ Thị Xuân H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

*** Người bị hại:**

1/ Chị Hồ Thị H1, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Cân T, xã Hồng H, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Cân T, xã Hồng H, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3/ Chị Đoàn Thị O, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Lê Tr, xã Hồng Tr, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4/ Chị Lê Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Kỳ R, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

5/ Anh Hồ Tư B, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Kỳ R, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

6/ Ông Lê Mạnh K, sinh năm 1940; thôn Cân T, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

7/ Chị A Moong Kh, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Cân T, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

8/ Chi Hồ Thị H2, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn 3, xã Hồng Q, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặ.

9/ Chị Hồ Thị N, sinh năm 1983; thôn Hợp Th, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

10/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Quảng Th, xã Sơn Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

11/ Chị Hồ Thị Tr, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 7, tổ dân phố 5, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

12/ Chị Ngô Thị H3, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn 4, xã Hồng Q, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

*** Người làm chứng:**

1/ Chị Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 9, tổ dân phố 6, thị trấn A L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2/ Chị Hồ Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Kỳ R, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3/ Chị Hồ Thị Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Tu V, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4/ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 địa chỉ: thôn Diên M, xã A N, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

5/ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Quảng Th, xã Sơn Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

6/ Ông Hồ Sỹ L, sinh năm 1947; địa chỉ: thôn Cân T, xã Hồng Th, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

7/ Anh Hồ Văn Th, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Cân T, xã Hồng Th, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn Diên M, xã A N, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo A Kiêng Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8-2013 đến tháng 12-2015 A Kiêng Thị H là nhân viên cấp dưỡng làm việc theo hợp đồng tại trường mầm non Hồng Th, đã bịa đặt cung cấp thông tin giả là mình có mối quan hệ rộng, quen biết nhiều người đang làm lãnh đạo có thể xin biên chế ở nhiều cơ quan trên địa bàn huyện A L làm cho người khác tin tưởng, liên hệ giao hồ sơ và tiền cho H để xin việc, sau đó chiếm đoạt, gồm các trường hợp sau:

Thứ nhất: Lợi dụng sự quen biết qua việc cùng học cấp dưỡng tại Trung tâm dạy nghề huyện A L, khoảng tháng 8-2013, H đã chủ động gọi điện thoại cho chị Hồ Thị H1 (sinh năm 1990, trú tại Cân T, Hồng H, huyện A L) hỏi có nhu cầu xin việc làm không, nếu có thì làm hồ sơ và đưa cho H số tiền 40.000.000đ để "chạy việc" giúp. Chị H1 không đồng ý vì quá cao thì H ngả xuống là 30.000.000đ. H nói thêm là có quen biết một cán bộ lãnh đạo ở Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế nên chắc chắn đến tháng 01-2014 chị H1 sẽ có việc làm, vì tin nên chị H1 đã đồng ý, ngày 14-9-2013 chị H1 đã đưa cho H số tiền 15.000.000đ cùng 03 bộ hồ sơ xin việc, ngày 16-9-2013 chị và chồng anh Hồ Văn T đưa tiếp số tiền 15.000.000đ tại nhà H. Đến hẹn nhưng không thấy Quyết định tuyển dụng đâu, chị H1 nhiều lần liên lạc, H cố tình tránh mặt.

Thứ hai: Ngày 20-9-2013 A Kiêng Thị H dùng điện thoại gọi cho chị Đoàn Thị O (sinh năm 1986 ở Lê Tr, Hồng Tr, A L) và cho chị O biết Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện A L đang tuyển dụng hai chỉ tiêu cấp dưỡng, nếu có nhu cầu thì làm hồ sơ chuẩn bị trước 20.000.000đ để H đi xin việc giúp, trong vòng từ hai đến ba ngày nếu không có đủ tiền thì H chuyển cho người khác, khi nào có quyết định thì đưa tiếp chị H 10.000.000đ. Chị O đã tin, ngày 25-9-2013 chị O cùng chồng Hồ Văn L đến nhà và đưa cho H số tiền 20.000.000đ. Chờ mãi không thấy tuyển dụng, đòi lại tiền thì H không trả, ngày 11-11-2016 chị O đã làm đơn tố cáo H.

Thứ ba: Vào môt ngày của tháng 4-2014 H chủ động gọi điện cho chị Nguyễn Thị C (sinh năm 1984 ở Cân T, Hồng H, A L) hỏi chị C đã có việc làm chưa, H nói mình quen biết nhiều người là cán bộ của Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế. H nói sẽ xin việc cho chị C nếu chị C đưa cho H 40.000.000đ để chạy việc. Chị C tin, ngày 18-4-2014 vợ chồng chị C đến nhà đưa cho H 20.000.000đ sau khi nhận tiền H hướng dẫn chị C làm bốn bộ hồ sơ. Đến tháng 11-2014 theo yêu cầu của H chị C đưa tiếp cho Hồng số tiền 20.000.000đ. Sau khi

nhận đủ số tiền yêu cầu nhưng chị C không có việc làm, yêu cầu H trả tiền thì cứ né tránh ngày 16-10-2016 chị C đã làm đơn tố cáo H.

Thứ tư: Nhờ quen biết, H chủ động gọi điện cho Lê Thị L (sinh năm 1991 ở Kỳ R, Hồng Th, A L) cho biết là mình có quen biết nhiều người đang làm lãnh đạo ở tỉnh, huyện có khả năng xin được việc làm. Đối với vị trí cấp dưỡng ở các trường mầm non là 30.000.000đ, y tế học đường là 50.000.000đ, nếu có nhu cầu thì đưa cho H tiền và hồ sơ để H đi xin giúp. Nghe là tin, chị L đã kể cho cho em chồng Hồ Tư B (sinh năm 1988 ở cùng thôn) nghe, tưởng thật, ngày 19-4-2014, B đã nhờ chị L đưa cho H 50.000.000đ cùng 01 bộ hồ sơ xin việc, chị cũng đưa cho H 30.000.000đ, tuy nhiên H chỉ lấy của chị Lang 20.000.000đ, nói không phải công chức, nhưng sau thì H yêu cầu chị Lang đưa thêm 10.000.000đ. Như vậy chị L đã đưa cho H tổng cộng 80.000.000đ. Đợi đến hết năm 2015 mà vẫn không có việc làm, gọi điện thì H đưa ra nhiều lý do khác nhau, về sau thì không nghe máy, đến nhà thì H tránh mặt nên chị L đã làm đơn tố cáo H.

Thứ năm: Qua tìm hiểu, H biết được ông Lê Mạnh K (sinh năm 1940 ở Cân T, Hồng Th, A L) có con là chị Lê Thị L1 đã học xong ngành văn thư nhưng chưa có việc làm nên trong khoảng tháng 4-2014, H chủ động đến nhà ông K để đặt vấn đề xin tuyển dụng vào vị trí văn thư thì một biên chế là 40.000.000đ. Ông K chưa tin nên đến ngày 24-4-2014,H lại đến và nói dối mình có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều người đang làm lãnh đạo của tỉnh, huyện và đã xin được cho nhiều người. Ông K tin và đã đưa cho H 40.000.000đ, đến ngày 28-4-2014 H yêu cầu đưa đủ 50.000.000đ họ mới nhận hồ sơ, vậy là ông K đưa nốt số tiền 10.000.000đ. Sau một thời gian không xin được việc làm cho con gái cũng không trả tiền, nên ông K đã tố cáo H.

Thứ sáu: Trong khoảng thời gian 2012-2013, chị A Moong Kh, đã học xong cấp dưỡng nhưng không có việc làm, do quen biết từ trước, H nói với chị Kh có quen biết nhiều người đang làm lãnh đạo ở tỉnh và huyện nên có thể xin được việc làm cho chị Kh. H ngỏ ý quan tâm đến việc làm của chị và nói có khả năng xin được việc làm tại trường mầm non A Ngo, và trường mầm non Phú Vinh chi phí là 40.000.000đ. Để tạo lòng tin, H đã hứa chắc chắn và nói sẽ trả tiền nếu không xin được việc làm. Chị Kh đã vay mượn để đưa cho H 40.000.000đ, H đưa lại cho chị 3.000.000đ nói là để trả tiền lãi trong thời gian chờ đợi. Chờ mãi vẫn không có thông tin gì, nhiều lần H hứa suông, không nghe điện thoại, rồi tránh mặt. Đến tháng 8-2016 chị đã đến UBND xã Hồng Th tố cáo hành vi của H.

Thứ bảy: Do ở cùng thôn với bố mẹ nên H biết chị Ngô Thị H3 (sinh năm 1984 ở thôn 4, xã Hồng Q, A L) chị H3 hiện nay vẫn chưa có việc làm. Ngày 06-4-2015, H tìm đến nhà ông bà Quỳnh H tại thôn Diên M, xã A N nói mình có quen biết nhiều người đang làm lãnh đạo thuộc sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh, H nói thêm

“hiện nay trường mầm non Hồng Th đang thiếu người nấu ăn cho trẻ vì sắp tới H không nấu ăn nữa mà chuyển sang làm giáo viên”, đến khoảng 8-2015 huyện sẽ tuyển dụng, tưởng thật nên chị H3 đưa cho H 10.000.000đ để nhờ xin việc cho mình. Do chị H3 chưa tin lắm nên H rủ chị H3 về Thành phố H nộp hồ sơ và đưa tiền. Đến nơi, H nói chị H3 vào quán cà phê Cây sy (dọc bờ sông Hương) đợi để H đi nộp hồ sơ và đưa tiền cho một người tên là Nguyễn Mạnh H đang công tác tại một sở thuộc tỉnh, chị H3 không đồng ý, hai người tiếp tục ngồi đợi. Đến 17 giờ chiều nhưng không thấy ai đến lấy hồ sơ và tiền thì hai người đi ăn cơm. Tại đây có 03 thanh niên không rõ lai lịch đến rủ H và chị H3 đi hát karaoke, khoảng một tiếng, H bảo chị H3 ở lại để mình đi nộp hồ sơ nhưng chị H3 lại không đồng ý nên hai người cùng đi. Đến Bệnh viện Trung ương H, H bảo chị H3 trông xe, H một mình vào nộp hồ sơ và đưa tiền cho vợ của thầy đang công tác ở đây, môt lúc sau đi ra H nói đã nộp và đưa tiền rồi. Sau đó hai người quay lại qua lấy áo khoác và cùng trở về A L. Trên đường đi, chị H3 là người ngồi sau nên khi ôm hờ vào hông của H thì phát hiện bên túi quần trái của H có một cục cộm lên như cục tiền. Khi về tới xã Hồng H, huyện A L, hai người vào quán nước bên đường nghỉ ngơi, H đi ra ngoài, lúc sau khi hai người tiếp tục hành trình chị H3 không còn thấy cục đó cộm lên trong túi quần của H nữa. Đến khoảng tháng 6/2015, H đến nhà và nói “em có quyết định rồi, đến tháng 8 đi làm”, vợ chồng chị H3 mừng quá nên đưa tiếp cho H 20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu đồng) nữa. Chờ hết tháng 8 vẫn chưa thấy có quyết định, điện thoại hỏi, H nói “trường Hồng Thái đang xây dựng” rồi từ đó H cứ hẹn hết tháng này đến tháng khác.

Thứ tám: Do biết chị Hồ Thị H2 (sinh năm 1974, trú tại thôn 3, xã Hồng Q, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế) có con gái là Hồ Thị Tân M đã học xong Trung cấp y nhưng chưa có việc làm nên khoảng tháng 7/2015, A Kiêng Thị H một mình đến nhà chị H2, đưa ra thông tin là H có quen biết với nhiều người đang làm lãnh đạo các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện A L. Nếu muốn xin vào làm việc tại Trung tâm y tế huyện thì phải chi phí hết 70.000.000 VNĐ (bảy mươi triệu đồng), nhưng phải đưa trước 40.000.000 VNĐ (bốn mươi triệu đồng), lúc nào có quyết định tuyển dụng đưa tiếp 30.000.000 VNĐ (ba mươi triệu đồng) nếu không xin được việc thì H sẽ trả lại tiền. Tin tưởng H, ngày 04/7/2015 chị H2 đã đưa cho H 30.000.000 VNĐ (ba mươi triệu đồng) đến ngày 04/8/2015, chị H2 đưa tiếp 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng). Đến ngày 08/8/2017, chị M vẫn chưa có việc làm như lời H hứa, tiền H vẫn không chịu trả nên gia đình chị H2 đã tố cáo hành vi của H đến cơ quan chức năng.

Thứ chín: Từ mối quan hệ quen biết trước đó, ngày 02/10/2015, A Kiêng Thị H chủ động đến tìm gặp chị Hồ Thị N (sinh năm 1983, trú tại thôn Hợp Th, xã Hồng Th, huyện A L). H đưa ra thông tin H có quen biết với nhiều người đang làm

lãnh đạo huyện A L, nếu chị N có nhu cầu thì H sẽ xin cho chị N vào làm cấp dưỡng tại trường mầm non xã Phú V nhưng phải chi phí 30.000.000 VNĐ (ba mươi triệu đồng). Trước những thông tin mà H đã đưa ra, chị N rất tin tưởng nhưng vì không có sẵn tiền nên chị N chỉ đưa cho H 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng), đến ngày 03/10/2015, chị N tiếp tục đưa thêm cho H 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng) nữa, như vậy cả hai lần đưa là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng). Đến khoảng tháng 02/2016 H yêu cầu chị N đưa thêm 20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu) nhưng vì không có tiền, chị N nhờ H đi cùng mình về xã Hồng K, huyện A L để vay nhưng H không chịu. Sau khoảng thời gian đó, chị N không còn liên lạc được với H nữa nên đã làm đơn tố cáo H với trường Mầm non Hồng Th. Ngày 20/6/2016, Ban giám hiệu nhà trường họp để giải quyết thì H có trả cho chị N 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng). Sau đó, do hết hợp đồng nên H nghỉ việc, chị N lại không liên lạc được với H nữa. Vì vậy, ngày 01/11/2016, chị N đã tố cáo H tại Công an huyện A L.

10. Do có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị B (sinh năm 1982, trú tại thôn Quảng Th, xã Sơn Th, huyện A L) nên A Kiêng Thị H có lui tới nhà chị B chơi. Qua đó tìm hiểm được em gái của chị B là chị Nguyễn Thị M (sinh năm 1993, trú cùng thôn) đã học xong cấp dưỡng nhưng chưa có việc làm nên H nói với chị B là H có quen biết với thầy H đang công tác tại sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế, có thể giúp chị M xin vào nấu ăn ở các trường mầm non trên địa bàn huyện A L nhưng chị M phải trả cho người xin việc 40.000.000 VNĐ (bốn mươi triệu đồng), đưa trước 20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu đồng), lúc nào có quyết định tuyển dụng thì chị M phải đưa hết số tiền còn lại. Ngay sau đó, Hồng cũng tự tìm đến nhà chị M và cũng nói với vợ chồng chị M như thế. Chị B và vợ chồng chị M tin là thật nên khoảng tháng 6/2015 chị M đã đưa cho H 20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu đồng) và bộ hồ sơ xin việc. Khoảng 20 (hai mươi) ngày sau, H đến nhà chị M nói là chuẩn bị có quyết định tuyển dụng và yêu cầu chị M đưa nốt số tiền còn lại, quá tin tưởng nhưng nhà chỉ có 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng) nên vợ chồng chị M phải vay mượn thêm 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) nữa là 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng) để đưa cho H. Đến cuối tháng 7/2015, H gọi điện thoại cho chị B yêu cầu chị M đưa thêm 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng) "để mang về thành phố H đưa cho họ để họ ra quyết định." Sau khi đã nhận tiền, H nói "của em khoảng 10 (mười) ngày nữa là có quyết định thôi". Đợi hết năm 2015 chị M vẫn không có quyết định tuyển dụng nên đã tìm H để đòi lại tiền nhưng H cứ hẹn mãi nên chị M đã tố cáo hành vi của H.

11. Quá trình điều tra cũng đã xác định được, tháng 12 năm 2015, A Kiêng Thị H chủ động đến tìm gặp chị Hồ Thị Tr (sinh năm 1987, trú tại tổ 7, tổ dân phố số 5, thị trấn A L, huyện A L), H hỏi chị Tr có muốn thay H làm cấp dưỡng không,

vì sắp tới H phải đi học sư phạm mầm non. H có quen ông Nguyễn Mạnh H là cán bộ lãnh đạo đang công tác tại sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế và nhiều người khác đang làm lãnh đạo các ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân huyện A L. Nếu muốn thì phải chi phí 30.000.000 VNĐ (ba mươi triệu đồng). Khi chị Tr nói điều kiện kinh tế khó khăn, không có đủ tiền, H nói chỉ đưa trước một nửa, lúc nào có quyết định thì đưa đủ, nếu không xin được việc thì sẽ trả lại tiền. Chị Tr tin lời H nên đã đưa cho H 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng) và hồ sơ xin việc để H về thành phố H nộp cho Nguyễn Mạnh H. Mấy ngày sau, H lại tìm gặp chị Tr nói là đã xin được việc rồi và dặn "đừng nói với ai cả, càng ít người biết càng tốt". Sau đó khoảng 10 (mười) ngày, H gọi điện thoại và yêu cầu chị Tr đưa thêm 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng), để cho chị Tr tin, H nói "gia đình H là gia đình có truyền thống cách mạng, hiện nay anh rể và chồng H đang công tác trong cơ quan nhà nước", chị Tr tìm hiểu và thấy là thật nên ngày 02/01/2016 đã vay mượn và đưa thêm cho H 15.000.000 VNĐ (mười lăm triệu đồng). Sau khi đã đưa đủ tiền, chờ mãi vẫn không có quyết định tuyển dụng, chị Tr biết mình bị lừa nhưng đòi mãi H vẫn không chịu trả lại tiền nên đã tố cáo hành vi của H với trường mầm non Hồng Th. Ngày 20/6/2016, Ban giám hiệu nhà trường họp để giải quyết thì H có trả lại 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng). Sau đó, chị Tr đã tố cáo H tại Công an huyện A L.

Về chiếc điện thoại H dùng để gọi cho các bị hại đã cũ, H đã vứt bỏ không tìm lại được.

Về dân sự: Ngày 14/4/2017, bị cáo A Kiêng Thị H đã nhờ bà Hồ Thị Đ (là mẹ đẻ) trả lại tiền cho người bị hại nhằm khắc phục một phần hậu quả như sau: Ông Lê Mạnh K 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng), Anh Hồ Tư B 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng), Chị Ngô Thị H3 9.000.000 VNĐ (chín triệu đồng), Chị Nguyễn Thị M 9.000.000 VNĐ (chín triệu đồng), Chị Hồ Thị H2 9.000.000 VNĐ (chín triệu đồng), Chị A Moong Kh 9.000.000 VNĐ (chín triệu đồng), Chị Nguyễn Thị C 9.000.000 VNĐ (chín triệu đồng), Chị Hồ Thị Tr 8.000.000 VNĐ (tám triệu đồng), Chị Hồ Thị H1 8.000.000 VNĐ (tám triệu đồng), Chị Lê Thị L 8.000.000 VNĐ (tám triệu đồng), Chị Đoàn Thị O 7.000.000 VNĐ (bảy triệu đồng); Đến ngày 17/4/2017, bà Hồ Thị Đ tiếp tục hoàn trả cho chị Hồ Thị N 4.000.000 VNĐ (bốn triệu đồng). Toàn bộ các bị hại yêu cầu bị cáo A Kiêng Thị H phải bồi thường hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của họ.

Tại bản cáo trạng số 09/QĐ/KSĐT ngày 29/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới truy tố bị cáo A Kiêng Thị H về tội Lừa đảo nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa, đổi bổ sung năm 2009;

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện Kiểm Sát thực hành quyền công giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, các điểm b,o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2009, xử phạt từ 30 đến 36 tháng tù về tội : "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015, Điều 42 Bộ hình sự; buộc bị cáo A Kiêng Thị H bồi thường trả lại cho người bị hại Ông Lê Mạnh K với số tiền 40.000.000 VNĐ, Anh Hồ Tư B với số tiền 40.000.000 VNĐ , Chị Ngô Thị H3 với số tiền 21.000.000 VNĐ, Chị Nguyễn Thị M với số tiền 31.000.000 VNĐ, Chị Hồ Thị H2 với số tiền 31.000.000 VNĐ, Chị A Moong Kh với số tiền 28.000.000 VNĐ, Chị Nguyễn Thị C với số tiềm 31.000.000 VNĐ, Chị Hồ Thị Tr với số tiền 21.000.000 VNĐ , Chị Hồ Thị H1 với số tiền 22.000.000 VNĐ, Chị Lê Thị L với số tiền 22.000.000 VNĐ, Chị Đoàn Thị O với só tiền 13.000.000 VNĐ, Chị Hồ Thị N với số tiền 5.000.000 VNĐ.

Người bào chữa cho bị cáo A Kiêng Thị H, đồng ý với quan điểm truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, theo khoản 3 Điều 139 và áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đề nghị áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù, là có căn cứ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có đối đáp gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền còn lại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ không yêu cầu gì về mặt dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A Kiêng Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 12 năm 2015, bị cáo A Kiêng Thị H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 người bị hại, trong đó có 6 người bị hại thì bị cáo H với các bị hại có viết giấy nhận tiền và cam kết xin việc cụ thể:

Ông Lê Mạnh K số tiền 50.000.000VNĐ, anh Hồ Tư B số tiền 50.000.000VNĐ, Chị Ngô Thị H3 số tiền 30.000.000VNĐ, Chị A Moong Kh số tiền 37.000.000VNĐ, Chị Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000VNĐ, Chị Lê Thị L số tiền 30.000.000VNĐ, có hai người bị hại thì bị cáo H với người bị hại có viết giấy vay tiền nhưng mục đích là giao nhận tiền để xin việc chụ thể: Chị Nguyễn Thị M số tiền 40.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị Tr số tiền 29.000.000VNĐ và còn lại bốn người bị hại thì bị cáo H với người bị hại khi giao nhận tiền không có giấy tờ gì, nhưng quá trình điều tra đã chứng minh được mục đích để xin việc làm và bị cáo cùng thừa nhận để xin việc làm cụ thể: Chị Đoàn Thị O số tiền 20.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị H2 số tiền 40.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị H1 số tiền 30.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị N số tiền 9.000.000VNĐ. Tổng cộng số tiền bị cáo A Kiêng Thị H đã chiếm đoạt của 12 người bị hại, số tiền là 405.000.000VNĐ(Bốn trăm lẻ năm triệu đồng chẵn).

Bị cáo A Kiêng Thị H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đã thực hiện hành vi thủ đoạn gian dối lợi dụng mong muốn có việc làm ổn định của những người học nghề ra trường chưa có công ăn việc làm nên có quen biết trước, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2015, A Kiêng Thị H đã chủ động tìm gặp, hỏi thăm tình hình công việc tạo lòng tin đã bịa ra việc mình có quen biết nhiều người làm lãnh đạo ở huyện, Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế và có mối quan hệ rộng và làm cho người bị hại tin tưởng đó là sự thật nên nhờ bị cáo chạy việc làm và yêu cầu người bị hại làm hồ sơ xin việc, làm hồ sơ xong thì giao hồ sơ và tiền cho bị cáo H như đã thỏa thuận và cam đoan nếu không được xin việc làm cho người bị hại thì bị cáo hoàn trả lại tiền đã nhận của bị hại, nhưng thực chất bị cáo không có khả năng xin được việc làm cho người bị hại như đã nói trên. Sau khi người bị hại thấy bị cáo không xin được việc làm nên đã nhiều lần đến nhà bị cáo đòi lại số tiền đã đưa bị cáo H chiếm đoạt số tiền của nhiều người bị hại, nhưng bị cáo không chịu trả tiền, tránh mặt, khất lần, không nghe điện thoại của người bị hại nên người bị hại tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối đưa thông tin không đúng sự thật nhằm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng với động cơ tham lam, để mục đích có tiền tiêu xài cá nhân.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân đân huyện A Lưới truy tố bị cáo A Kiêng Thị H về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật hình sự.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một khoản tiền, khắc phục một phần hậu quả; người phạm tội đã tự thú, đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, mẹ đẻ của bị cáo là Anh hùng Lực Lượng Vũ Trang Nhân dân Việt Nam, bố đẻ của bị cáo có công với cách mạng được Nhà nước truy tặng nhiều huân huy chương kháng chiến, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm vào những tình tiết tặng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo A Kiêng Thị H đề nghị áp dụng thêm những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo A Kiêng Thị H cũng xem xét một phần cho bị cáo về nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, vợ chồng ly và nuôi hai đứa con nhỏ, khi lượng hình cũng cần xem xét đến trường hợp bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, một tình tiết tặng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự để chuyển sang quyết định khung hình phạt liền kề nhẹ hơn mà điều luật đã quy định từ khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự chuyển sang quyết định hình phạt khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo A Kiêng Thị H để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung, trở thành công dân tốt cho xã hội.

Đối với ông Nguyễn Mạnh H trú tại địa chỉ số 46 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh N, TP H mà bị cáo khai là giao hồ sơ và tiền của người bị hại để xin việc, qua điều tra xác minh thực tế là không có, nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 42 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo A Kiêng Thị H bồi thường trả lại cho người bị hại Ông Lê Mạnh K với số tiền 40.000.000VNĐ, Anh Hồ Tư B 40.000.000VNĐ, Chị Ngô Thị H3 21.000.000VNĐ, Chị Nguyễn Thị M

31.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị H2 31.000.000VNĐ, Chị A Moong Kh 28.000.000VNĐ, Chị Nguyễn Thị C 31.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị Tr 21.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị H1 22.000.000VNĐ, Chị Lê Thị L 22.000.000 VNĐ, Chị Đoàn Thị O 13.000.000VNĐ, Chị Hồ Thị N5.000.000VNĐ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo A Kiêng Thị H phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; 47, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A Kiêng Thị H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06 tháng 3 năm 2017.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015và Điều 42 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo A Kiêng Thị H bồi thường trả lại cho người bị hại Ông Lê Mạnh K với số tiền 40.000.000 VNĐ (bốn mười triệu đồng), Anh Hồ Tư B với số tiền 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng), Chị Ngô Thị H3 với số tiền 21.000.000VNĐ (hai mươi mốt triệu đồng), Chị Nguyễn Thị M với số tiền 31.000.000VNĐ (ba mươi mốt triệu đồng), Chị Hồ Thị H2 với số tiền 31.000.000VNĐ (ba mươi mốt triệu đồng), Chị A Moong Kh với số tiền 28.000.000VNĐ (hai mươi tám triệu đồng), Chị Nguyễn Thị C với số tiền 31.000.000VNĐ (ba mươi mốt triệu đồng), Chị Hồ Thị Tr với số tiền 21.000.000VNĐ (hai mươi mốt triệu đồng), Chị Hồ Thị H1 với số tiền 22.000.000VNĐ (hai mươi hai triệu đồng), Chị Lê Thị L với số tiền 22.000.000 VNĐ (hai mươi hai triệu đồng), Chị Đoàn Thị O với số tiền 13.000.000VNĐ (mười ba triệu đồng), Chị Hồ Thị N với số tiền 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng). Tổng cộng 305.000.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu đồng chẵn)

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo A Kiêng Thị H phải chịu nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.250.000đ (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp TT-Huế;
- VKSND A L;
- Công an huyện A L;
- Bị cáo; người bị hại, luật sư;
-Người có QL&NV liên quan;
- Chi cục THADS sự huyện A L;
- Lưu hồ sơ T.H.A;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

HỒ VĂN NHÀN